

**BIỂU PHÍ CHUẨN DỊCH VỤ THANH TOÁN & TÀI KHOẢN**
**KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

Hiệu lực : Ngày 27 Tháng 04 Năm 2022

<b>1. DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN</b>	
<b>1.1 Mở tài khoản</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tài Khoản doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam</li> <li>Tài Khoản doanh nghiệp thành lập tại nước ngoài</li> </ul>	Miễn Phí USD 2.000 / tài khoản
<b>1.2 Phí quản lý tài khoản</b>	Miễn phí
<b>1.3 Số dư trung bình tối thiểu hàng tháng</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tài Khoản VNĐ</li> <li>Tài Khoản USD</li> <li>Tài Khoản SGD</li> <li>Tài Khoản EUR</li> <li>Tài Khoản JPY</li> <li>Tài Khoản THB</li> <li>Tài Khoản HKD</li> </ul>	VNĐ 3,000,000 USD 150 SGD 150 EUR 150 JPY 15,000 THB 4,500 HKD 1,200
<b>1.4 Phí hàng tháng dịch vụ nếu số dư trung bình tối thiểu hàng tháng thấp hơn quy định</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tài Khoản VNĐ</li> <li>Tài Khoản USD</li> <li>Tài Khoản SGD</li> <li>Tài Khoản EUR</li> <li>Tài Khoản JPY</li> <li>Tài Khoản THB</li> <li>Tài Khoản HKD</li> </ul>	VNĐ 200,000 USD 10 hoặc số tiền VNĐ tương đương SGD 10 hoặc số tiền VNĐ tương đương EUR 10 hoặc số tiền VNĐ tương đương JPY 1,000 hoặc số tiền VNĐ tương đương THB 300 hoặc số tiền VNĐ tương đương HKD 80 hoặc số tiền VNĐ tương đương
<b>1.5 Phí đóng tài khoản trong vòng 12 tháng</b>	VNĐ 400,000 / tài khoản
<b>1.6 Chi phí thanh toán định kỳ</b>	VNĐ 100,000 / đăng ký
<b>1.7 Xác nhận số dư</b>	VNĐ 100,000 / tài khoản
<b>1.8 Phí xác nhận kiểm toán</b>	VNĐ 200,000 / lần yêu cầu
<b>1.9 Chi phí yêu cầu cấp lại chứng từ</b>	VNĐ 40,000 / trang
<b>1.10 Xác nhận khác</b>	VNĐ 200,000 / trang
<b>1.11 Phát hành thêm sao kê tài khoản</b>	VNĐ 20,000 / tài khoản / tháng
<b>1.12 Phí duy trì dịch vụ eAlert hàng tháng – Dịch vụ thông báo số dư</b>	VNĐ 50,000 / tài khoản / số điện thoại / tháng
<b>1.13 Phí duy trì dịch vụ eAlert hàng tháng – Dịch vụ thông báo ghi nợ/ghi có</b>	VNĐ 50,000 / tài khoản / số điện thoại / tháng
<b>2. DỊCH VỤ SÉC</b>	
Nhờ thu Séc nước ngoài (chỉ cung cấp dịch vụ nhờ thu đối với Séc được phát hành bởi Ngân hàng UOB Singapore)	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Có tài khoản tại UOB Việt Nam</li> <li>Không có tài khoản tại UOB Việt Nam</li> </ul>	0.1% (tối thiểu VNĐ 100,000 – tối đa VNĐ 2,000,000) 0.2% (tối thiểu VNĐ 100,000 – tối đa VNĐ 4,000,000)
<b>3. ATM</b>	
<b>3.1 Tra cứu số dư</b>	VNĐ 3,300
<b>3.2 Rút tiền</b>	VNĐ 3,300
<b>3.3 Đổi mã pin</b>	Miễn Phí
<b>3.4 Cấp lại mã pin</b>	VNĐ 100,000
<b>3.5 Cấp lại thẻ</b>	VNĐ 100,000
<b>4. KÊNH GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ</b>	
<b>4.1 Ngân hàng trực tuyến</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Phí cài đặt</li> <li>Phí duy trì hàng tháng</li> <li>Thêm thiết bị bảo mật / thay thế thiết bị bảo mật bị mất</li> <li>Thay thế thiết bị bảo mật bị lỗi</li> <li>Phí gửi thiết bị bảo mật ra nước ngoài</li> </ul>	Miễn Phí (bao gồm 2 thiết bị bảo mật) Miễn phí VNĐ 330,000 hoặc số tiền ngoại tệ tương đương Miễn phí (thiết bị lỗi phải gửi lại ngân hàng) VNĐ 1,000,000/ lần gửi thư
<b>4.2 ĐIỆN SWIFT MT940/942/950</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Phí cài đặt</li> <li>Phí duy trì hàng tháng</li> </ul>	Miễn phí VNĐ 1,000,000 / Tài Khoản
<b>4.3 SWIFTCORE / FILE ACT / RFTS</b>	Theo thỏa thuận
<b>5. NỘP TIỀN MẶT</b>	
<b>5.1 Tại quầy giao dịch của UOB Việt Nam</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>VNĐ</li> <li>Ngoại tệ</li> </ul>	Miễn phí Miễn phí
<b>5.2 Tại quầy giao dịch ngân hàng đối tác của UOB Việt Nam</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>VNĐ</li> </ul>	0.03% (tối thiểu VNĐ 10,000)
<b>5.3 Thu tiền mặt tại địa điểm chỉ định</b>	Theo thỏa thuận

6. RÚT TIỀN MẶT	
<b>6.1 Tại quầy giao dịch của UOB Việt Nam</b>	
• VND	Miễn phí
• Ngoại tệ	0.2% (tối thiểu USD 2)
<b>6.2 Tại quầy giao dịch ngân hàng đối tác của UOB Việt Nam</b>	
• VND	0.03% (tối thiểu VND 10,000)
<b>6.3 Giao tiền mặt tại địa điểm chỉ định</b>	
Theo thỏa thuận	
7. GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN	
<b>7.1 Nhận tiền về</b>	
• Tiền về trong nước	Miễn phí
• Tiền về nước ngoài	
o Có tài khoản tại UOB Việt Nam	0.1% (Tối thiểu USD 5 – Tối đa USD 100)
<b>7.2 Chuyển tiền đi trong nước</b>	
7.2.1 Chuyển tiền nội bộ	
▪ Lệnh giấy	Miễn phí
▪ Kênh giao dịch điện tử	Miễn phí
7.2.2 Đến các ngân hàng khác ở Việt Nam	
o Chuyển tiền bằng ngoại tệ	
▪ Lệnh giấy	VND 200,000 hoặc số tiền ngoại tệ tương đương
▪ Kênh giao dịch điện tử	VND 100,000 hoặc số tiền ngoại tệ tương đương
o Chuyển tiền có giá trị cao bằng tiền Đồng (>= VND 500,000,000)	
▪ Lệnh giấy	0.05% (tối đa VND 1,000,000)
▪ Kênh giao dịch điện tử	0.03% (tối đa VND 500,000)
o Chuyển tiền có giá trị thấp bằng tiền Đồng (< VND 500,000,000)	
▪ Lệnh giấy	VND 50,000
▪ Kênh giao dịch điện tử	VND 25,000
o Chuyển tiền nhanh bằng tiền Đồng (<= VND 500,000,000)	
▪ Kênh giao dịch điện tử	VND 0
7.2.3 Chuyển tiền theo Danh Sách (Một Lệnh Ghi Nợ - Nhiều Lệnh Ghi Có)	
o Bảng ngoại tệ	
▪ Chuyển tiền nội bộ	Miễn phí
▪ Đến các ngân hàng khác ở Việt Nam	Tính theo biểu phí chuyển tiền bằng ngoại tệ
o Bảng VND	
▪ Chuyển tiền nội bộ	Miễn phí
▪ Đến các ngân hàng khác ở Việt Nam	Tính theo biểu phí chuyển tiền có giá trị thấp bằng tiền Đồng & chuyển tiền có giá trị cao bằng tiền Đồng
7.2.4 Chỉnh sửa / Hủy / Tra soát lệnh chuyển tiền	
VND 25,000 và phí khác nếu có	
<b>7.3 Chuyển tiền đi nước ngoài</b>	
7.3.1 Phí chuyển tiền	
▪ Lệnh giấy	0.2% (tối thiểu VND 400,000 – tối đa VND 3,000,000) + Điện phí + phí ngân hàng khác (nếu có)
▪ Kênh giao dịch điện tử	0.15% (tối thiểu VND 300,000 – tối đa VND 2,000,000) + Điện phí + phí ngân hàng khác (nếu có)
7.3.2 Chỉnh sửa/ Hủy/ Tra soát lệnh chuyển tiền/ Thực hiện lại lệnh chuyển tiền	
USD 10 + Điện phí + phí ngân hàng khác (nếu có)	
7.3.3 Điện phí	
VND 250,000	

**GHI CHÚ:**

- Những nội dung thuộc biểu phí này có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước đến Khách hàng. Ngân hàng UOB Việt Nam sẽ thực hiện thông báo công khai trên website và niêm yết tại quầy giao dịch.
- Biểu phí không bao gồm hoa hồng và các khoản chi phí khác phát sinh do bên thứ ba.
- Những phí khác chưa được quy định trong Biểu phí này sẽ được Ngân hàng UOB Việt Nam thu của Khách hàng theo thỏa thuận giữa hai bên.
- Tất cả các khoản phí trong biểu phí này chưa bao gồm VAT 10% (trừ khi có cụ thể khác).
- Giảm phí:  
Nhằm hỗ trợ Quý Khách hàng trong thời gian xảy ra dịch Covid 19, Ngân hàng UOB Việt Nam sẽ thực hiện giảm phí đối với các giao dịch sau:
  - Loại giao dịch: Giao dịch chuyển tiền Việt Nam đồng đến các ngân hàng khác ở Việt Nam (mục 7.2.2 Biểu phí này).
  - Thời gian áp dụng: Kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến khi có thông báo mới.
  - Hình thức gửi giao dịch: Lệnh giấy hoặc Kênh giao dịch điện tử.
  - Mức giảm:
    - Đối với giao dịch chuyển tiền có giá trị cao bằng Việt Nam Đồng (>= VND500,000,000): giảm mức phí tương đương 0.01% số tiền chuyển (tối thiểu VND 2,000, tối đa VND 50,000).
    - Đối với giao dịch chuyển tiền có giá trị thấp bằng Việt Nam Đồng (<VND500,000,000): giảm mức phí là VND 1,000.
- Khoản phí thực thu cho các khoản thanh toán bằng ngoại tệ có thể có chênh lệch so với tính toán của quý khách. Ngân hàng sẽ luôn cố gắng làm tròn con số nhỏ hơn để khoản phí thực thu thấp hơn so với con số tính toán, theo quy định nội bộ của Ngân hàng.